

CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO VÀ BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 463/KH-UBND ngày 04/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực trạng 2026	Chỉ tiêu thực hiện hàng năm giai đoạn 2026-2030						Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	Lũy kế	
I	GIẢM NGHÈO VÀ NÂNG CAO ĐỜI SỐNG									
1	Hộ nghèo DTTS được hỗ trợ giảm nghèo	Hộ	534	50	80	100	100	97	427	
2	Hộ cận nghèo DTTS được hỗ trợ phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập	Hộ	793	80	120	150	150	134	634	
3	Hộ có hoàn cảnh khó khăn được tiếp cận ít nhất 01 chính sách hỗ trợ phù hợp	Hộ	3.065	300	400	500	600	652	2.452	
II	NHÀ Ở VÀ ĐIỀU KIỆN SINH HOẠT									
4	Hộ DTTS được hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát	Hộ	1.838	200	250	300	350	370	1.470	
5	Hộ DTTS được hỗ trợ cải thiện điều kiện sinh hoạt	Hộ	-	100	150	150	200	200	800	
III	ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT VÀ PHÁT TRIỂN SINH KẾ									
6	Hộ DTTS thiếu đất ở được rà soát, xây dựng phương án hỗ trợ	Hộ	525	525	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì	525	
7	Hộ DTTS thiếu đất ở được hỗ trợ, giải quyết phù hợp	Hộ	525	40	60	70	70	75	315	
8	Hộ DTTS thiếu đất sản xuất được hỗ trợ hoặc hỗ trợ sinh kế thay thế	Hộ	2.142	150	200	250	250	300	1.150	
9	Mô hình sinh kế được hỗ trợ, nhân rộng	Mô hình	-	10	15	20	20	25	90	
IV	LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM VÀ ĐÀO TẠO NGHỀ									
10	Lao động DTTS được đào tạo nghề, tư vấn việc làm	Người	-	300	400	400	400	400	1.900	
11	Lao động DTTS có nhu cầu tìm kiếm việc làm được tư vấn, giới thiệu việc làm	%		100	100	100	100	100	Duy trì	
12	Hộ thiếu việc làm thường xuyên được hỗ trợ tạo việc làm	Hộ	798	60	100	120	140	140	560	
V	BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI									
13	Hộ có đối tượng BTXH được tiếp cận đầy đủ chính sách	%	100	100	100	100	100	100	Duy trì	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực trạng 2026	Chỉ tiêu thực hiện hàng năm giai đoạn 2026-2030						Ghi chú
				2026	2027	2028	2029	2030	Lũy kế	
14	Học sinh, sinh viên DTTS được hỗ trợ đầy đủ	%	100	100	100	100	100	100	Duy trì	
15	Hộ DTTS gặp khó khăn đột xuất được hỗ trợ	%	100	100	100	100	100	100	Duy trì	